

Bản án số: 100/2025/KDTM-PT
Ngày: 25-04-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hương

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Quỳnh Anh

Bà Mai Thị Thanh Tú

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Thị Kim Oanh – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Minh – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23 và 25 tháng 04 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 196/2024/TLPT-KDTM ngày 08 tháng 10 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 2528/2024/KT-ST ngày 18 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1795/2025/QĐXX-PT ngày 01/4/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP C Việt Nam

Địa chỉ: Số 108 T, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phí Thị H, ông Hoàng Bảo L, bà Vũ Thị Y; cùng địa chỉ: Số 76 Nguyễn Văn C, phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Văn bản ủy quyền số 511/UQ-AMC ngày 25/10/2024).

2. Bị đơn: Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thương mại B

Địa chỉ: Số 19 đường số 37, khu phố 5, phường An Phú, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Tiến M, bà Đoàn Phạm Yến N; cùng địa chỉ: Lầu 3, Tòa nhà Thanh niên M, số 345/134 T, phường C, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy ủy quyền số 3010/UQ-BĐ ngày 30/10/2023).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty Cổ phần L

Địa chỉ: Số 230 Lý Thường Kiệt, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hùng C, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc công ty; địa chỉ liên hệ: Số 2-4 đường số 2, Cư xá Đ, Phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Thượng Th, Luật sư của Công ty Luật TNHH Luật V, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Người kháng cáo: Bị đơn Công ty TNHH Đầu tư xây dựng thương mại B.

(Tại phiên tòa: bà Vũ Thị Y, ông Lê Tiến M và ông Nguyễn Thượng Th có mặt; những người khác vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của bản án sơ thẩm như sau:***

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 31/7/2023 và các tài liệu khác, nguyên đơn là Ngân hàng TMCP C Việt Nam có bà Phí Thị H đại diện ủy quyền trình bày:

Ngày 25/01/2022 Ngân hàng TMCP C Việt Nam - Chi nhánh 4 (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) đã ký Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2022-HĐCVHM/NHCT 908-B với Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thương mại B (sau đây gọi tắt là Công ty B) với thông tin cụ thể như sau: Hạn mức cho vay: 40.000.000.000 đồng; Thời hạn cho vay: 12 tháng; Mục đích sử dụng tiền vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; Lãi suất cho vay trong hạn: được xác định bằng tổng của lãi suất cơ sở cộng biên độ tối thiểu 3,5%/năm. Thực hiện các hợp đồng nêu trên, Ngân hàng đã giải ngân khoản vay theo các Giấy nhận nợ của Công ty B.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay gồm có: 71 quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang do Công ty Cổ phần L đứng tên chủ sử dụng, chủ sở hữu.

Các tài sản đã được thế chấp hợp pháp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2020-HĐTC BĐS/NHCT908-B ngày 21/12/2020, được công chứng tại Phòng công chứng tỉnh Hậu Giang theo số 565, quyền số 02/2020.TP/CC-SCC/HĐGD và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Hậu Giang theo số thứ tự 97, quyền số 01 ngày 21/12/2020 và Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2021-HĐTC BĐS/NHCT908-B ngày 07/5/2021, được công chứng tại Phòng công chứng tỉnh Hậu Giang theo số 172, quyền số 02/2021.TP/CC-SCC/HĐGD và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Hậu Giang theo số thứ tự 55, quyền số 1 ngày 10/5/2021.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, Công ty B đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng nên khoản nợ vay của doanh nghiệp này đã chuyển thành khoản nợ quá hạn. Ngân hàng đã nhiều lần gọi điện nhắc nợ cũng như mời Công ty B đến làm việc về phương án trả nợ. Tuy nhiên, đến nay thì Công ty B vẫn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả khoản nợ gốc và lãi cho Ngân hàng. Việc Công ty B không thanh toán khoản nợ đến hạn đã gây thiệt hại đến

quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Tổng số tiền Công ty B còn nợ Ngân hàng tạm tính đến ngày 28/7/2023 là 41.289.955.302 đồng, trong đó: nợ gốc: 38.400.000.000 đồng, nợ lãi: 2.349.431.400 đồng, lãi phạt: 540.523.901 đồng. Số tiền lãi và lãi phạt vẫn tiếp tục phát sinh kể từ ngày 29/7/2023 cho đến khi Công ty B thanh toán xong khoản nợ.

Nguyên đơn yêu cầu như sau:

- *Buộc Công ty B phải trả khoản nợ cho nguyên đơn với số tiền tạm tính đến ngày 28/7/2023 như sau: nợ gốc: 38.400.000.000 đồng, nợ lãi (trong hạn, quá hạn): 2.349.431.400 đồng, lãi phạt: 540.523.901 đồng. Tổng cộng là 41.289.955.302 đồng.*

- Ngoài ra, Công ty B còn phải trả các khoản lãi (trong hạn, quá hạn), lãi phạt và các chi phí khác (nếu có) phát sinh từ ngày 29/7/2023 cho đến khi nguyên đơn thu hồi hết nợ, theo lãi suất quy định tại Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2022-HĐCVHM/NHCT908-B ngày 25/01/2022 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay (nếu có).

- Trường hợp Công ty B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì nguyên đơn có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án kê biên, phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi khoản nợ theo quy định của pháp luật. Nếu giá trị (số tiền) thu được từ xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh toán nghĩa vụ trả nợ khoản vay thì Công ty B vẫn phải có trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn cho đến khi tất toán khoản nợ. Đồng thời, nguyên đơn được quyền đề nghị cơ quan thi hành án tiếp tục kê biên, phát mãi các tài sản khác của Công ty B cho đến khi thu hồi toàn bộ khoản nợ.

Bị đơn Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thương mại B có đại diện ủy quyền bản tự khai trình bày như sau:

Ngày 25/01/2022 Công ty B đã ký Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2022-HĐCVHM/NHCT 908-B với Ngân hàng, hạn mức là 40.000.000.000 đồng, thời hạn duy trì hạn mức là 01 năm từ ngày 25/01/2022 đến ngày 25/01/2023, thời hạn cho vay của từng khoản nợ được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 09 tháng. Tài sản đảm bảo cho các khoản vay trên là 63 quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang do Công ty Cổ phần L đứng tên sử dụng và chủ sở hữu thể hiện tại Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2020-HĐTC BDS/NHCT908-B ngày 21/12/2020 và 08 quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang do Công ty Cổ phần L đứng tên chủ sử dụng, chủ sở hữu thể hiện tại Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2021-HĐTC BDS/NHCT908-B ngày 07/5/2021. Từ ngày 17/6/2022 đến ngày 23/12/2022, Công ty B đã ký 06 Giấy nhận nợ với tổng số tiền vay là 38.400.000.000 đồng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, do ảnh hưởng bởi sau đại dịch Covid - 19 nên tình hình kinh doanh của công ty gặp nhiều khó khăn. Đây là sự kiện bất khả kháng, xảy ra ngoài khả năng kiểm soát của Công ty B. Dịch Covid-19 đã gây ảnh hưởng kinh tế, tài chính không chỉ riêng Công ty B mà còn ảnh hưởng trong cả nước và trên toàn thế giới. Bên cạnh đó, Công ty B cũng đang gặp rất

không ít khó khăn trong việc không thu hồi được những khoản nợ từ các đối tác, đây cũng là nguyên nhân khách quan dẫn đến việc Công ty B chậm thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần L vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án nên không có bản tự khai tại Tòa án.

** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 2528/2024/KT-ST ngày 18 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP C Việt Nam về việc:

Buộc Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thương mại B phải trả số tiền nợ gốc: 38.400.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 18/6/2024 là 5.607.645.100 đồng, lãi phạt là: 2.121.323.973 đồng. Tổng cộng là: 46.128.969.073 đồng.

Kể từ ngày 19/6/2024, Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thương mại B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2022 – HĐCVHM/NHCT 908 – B ngày 25/01/2022 và các Giấy nhận nợ số 03 ngày 17/6/2022, Giấy nhận nợ số 04 ngày 21/6/2022; Giấy nhận nợ số 05 ngày 22/6/2022, Giấy nhận nợ số 06 ngày 23/6/2022, Giấy nhận nợ số 07 ngày 14/6/2022, Giấy nhận nợ số 08 ngày 23/12/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP C Việt Nam thì lãi suất mà Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thương mại B phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP C Việt Nam cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP C Việt Nam.

Việc trả tiền được thực hiện đủ một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thương mại B thanh toán đủ số nợ nêu trên mà không phải thực hiện việc phát mãi tài sản của Công ty Cổ phần L thì Ngân hàng TMCP C Việt Nam có trách nhiệm thực hiện thủ tục xóa thế chấp và trả lại những Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền đã nhận của Công ty Cổ phần L.

Trong trường hợp Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thương mại B không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP C Việt Nam được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo các Giấy chứng nhận sau để thu hồi nợ:

1. Thửa đất số 2826, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: Xã Vĩ Tân, Thành phố Vĩ Thanh, tỉnh Hậu Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC129383, sổ vào sổ cấp GCN CT01590 do UBND tỉnh Hậu Giang cấp ngày 29/12/2010;

2. Thửa đất số 2827, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: Xã Vị Tân, Thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC129381, sổ vào sổ cấp GCN CT01588 do UBND tỉnh Hậu Giang cấp ngày 29/12/2010;

3. Thửa đất số 2828, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: Xã Vị Tân, Thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC129380, sổ vào sổ cấp GCN CT01587 do UBND tỉnh Hậu Giang cấp ngày 29/12/2010;

4. Thửa đất số 2829, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: Xã Vị Tân, Thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC129379, sổ vào sổ cấp GCN CT01586 do UBND tỉnh Hậu Giang cấp ngày 29/12/2010;

5. Thửa đất số 2830, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: Xã Vị Tân, Thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC129378, sổ vào sổ cấp GCN CT01585 do UBND tỉnh Hậu Giang cấp ngày 29/12/2010;

6. Thửa đất số 2831, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: Xã Vị Tân, Thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC129377, sổ vào sổ cấp GCN CT01584 do UBND tỉnh Hậu Giang cấp ngày 29/12/2010;

7. Thửa đất số 2832, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: Xã Vị Tân, Thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC129376, sổ vào sổ cấp GCN CT01583 do UBND tỉnh Hậu Giang cấp ngày 29/12/2010;

8. Thửa đất số 2833, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: Xã Vị Tân, Thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC129375, sổ vào sổ cấp GCN CT01582 do UBND tỉnh Hậu Giang cấp ngày 29/12/2010;

9. Thửa đất số 2834, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: Xã Vị Tân, Thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC129374, sổ vào sổ cấp GCN CT01581 do UBND tỉnh Hậu Giang cấp ngày 29/12/2010;

10. Thửa đất số 2835, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: Xã Vị Tân, Thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC129373, sổ vào sổ cấp GCN CT01580 do UBND tỉnh Hậu Giang cấp ngày 29/12/2010;

11. Thửa đất số 2836, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: Xã Vị Tân, Thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC129372, sổ vào sổ cấp GCN CT01579 do UBND tỉnh Hậu Giang cấp ngày 29/12/2010;

12. Thửa đất số 2837, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: Xã Vị Tân, Thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC129371, sổ vào sổ cấp GCN CT01578 do UBND tỉnh Hậu Giang cấp ngày 29/12/2010;

13. Thửa đất số 2838, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: Xã Vị Tân, Thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC129370, sổ vào sổ cấp GCN CT01577 do UBND Tỉnh Hậu Giang cấp ngày 29/12/2010;

14. Thửa đất số 2839, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: Xã Vị Tân, Thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC129369, sổ vào sổ cấp GCN CT01576 do UBND tỉnh Hậu Giang cấp ngày 29/12/2010;

15. Thửa đất số 2840, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: Xã Vị Tân, Thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC129368, sổ vào sổ cấp GCN CT01575 do UBND tỉnh Hậu Giang cấp ngày 29/12/2010;

16. Thửa đất số 2841, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: Xã Vị Tân, Thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC129367, sổ vào sổ cấp GCN CT01574 do UBND tỉnh Hậu Giang cấp ngày 29/12/2010;

17. Thửa đất số 2844, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: Xã Vị Tân, Thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC129382, sổ vào sổ cấp GCN CT01589 do UBND tỉnh Hậu Giang cấp ngày 29/12/2010;

18. Thửa đất số 2845, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: Xã Vị Tân, Thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC129937, sổ vào sổ cấp GCN CT01029 do UBND tỉnh Hậu Giang cấp ngày 29/12/2010;

19. Thửa đất số 2846, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: Xã Vị Tân, Thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC129936, sổ vào sổ cấp GCN CT01028 do UBND tỉnh Hậu Giang cấp ngày 29/12/2010;

20. Thửa đất số 3078, tờ bản đồ số 1, địa chỉ: Phường 4, Thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC129938, sổ vào sổ cấp GCN CT01009 do UBND tỉnh Hậu Giang cấp ngày 29/12/2010;

21. Thửa đất số 3079, tờ bản đồ số 1, địa chỉ: Phường 4, Thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC129918, sổ vào sổ cấp GCN CT01010 do UBND tỉnh Hậu Giang cấp ngày 29/12/2010;

22. Thửa đất số 3080, tờ bản đồ số 1, địa chỉ: Phường 4, Thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC129920, sổ vào sổ cấp GCN CT01012 do UBND tỉnh Hậu Giang cấp ngày 29/12/2010;

23. Thửa đất số 3081, tờ bản đồ số 1, địa chỉ: Phường 4, Thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC129921, sổ vào sổ cấp GCN CT01013 do UBND tỉnh Hậu Giang cấp ngày 29/12/2010;

24. Thửa đất số 3082, tờ bản đồ số 1, địa chỉ: Phường 4, Thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC129922, sổ vào sổ cấp GCN CT01014 do UBND tỉnh Hậu Giang cấp ngày 29/12/2010;

25. Thửa đất số 3083, tờ bản đồ số 1, địa chỉ: Phường 4, Thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC129923, sổ vào sổ cấp GCN CT01015 do UBND tỉnh Hậu Giang cấp ngày 29/12/2010;

26. Thửa đất số 3084, tờ bản đồ số 1, địa chỉ: Phường 4, Thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC129924, sổ vào sổ cấp GCN CT01016 do UBND tỉnh Hậu Giang cấp ngày 29/12/2010;

27. Thửa đất số 3085, tờ bản đồ số 1, địa chỉ: Phường 4, Thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC129925, sổ vào sổ cấp GCN CT01017 do UBND tỉnh Hậu Giang cấp ngày 29/12/2010;

28. Thửa đất số 3086, tờ bản đồ số 1, địa chỉ: Phường 4, Thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC129926, sổ vào sổ cấp GCN CT01018 do UBND tỉnh Hậu Giang cấp ngày 29/12/2010;

29. Thửa đất số 3087, tờ bản đồ số 1, địa chỉ: Phường 4, Thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC129927, sổ vào sổ cấp GCN CT01019 do UBND tỉnh Hậu Giang cấp ngày 29/12/2010;

30. Thửa đất số 3088, tờ bản đồ số 1, địa chỉ: Phường 4, Thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC129928, sổ vào sổ cấp GCN CT01020 do UBND tỉnh Hậu Giang cấp ngày 29/12/2010;

31. Thửa đất số 2909, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: xã Vị Tân, Thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC129733, sổ vào sổ cấp GCN CT01160 do UBND tỉnh Hậu Giang cấp ngày 29/12/2010;

32. Thửa đất số 2910, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: xã Vị Tân, Thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC129732, sổ vào sổ cấp GCN CT01159 do UBND tỉnh Hậu Giang cấp ngày 29/12/2010;

33. Thửa đất số 2911, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: xã Vị Tân, Thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC129731, sổ vào sổ cấp GCN CT01158 do UBND tỉnh Hậu Giang cấp ngày 29/12/2010;

34. Thửa đất số 2912, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: xã Vị Tân, Thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC129730, sổ vào sổ cấp GCN CT01157 do UBND tỉnh Hậu Giang cấp ngày 29/12/2010;

35. Thửa đất số 2913, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: xã Vị Tân, Thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC129729, sổ vào sổ cấp GCN CT01156 do UBND tỉnh Hậu Giang cấp ngày 29/12/2010;

36. Thửa đất số 2918, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: xã Vị Tân, Thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC129724, sổ vào sổ cấp GCN CT01151 do UBND tỉnh Hậu Giang cấp ngày 29/12/2010;

37. Thửa đất số 2543, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: xã Vị Tân, Thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC102170, sổ vào sổ cấp GCN CT01971 do UBND tỉnh Hậu Giang cấp ngày 29/12/2010;

38. Thửa đất số 2544, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: xã Vị Tân, Thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC102200, sổ vào sổ cấp GCN CT01969 do UBND tỉnh Hậu Giang cấp ngày 29/12/2010;

39. Thửa đất số 2545, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: xã Vị Tân, Thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC102169, sổ vào sổ cấp GCN CT01970 do UBND tỉnh Hậu Giang cấp ngày 29/12/2010;

40. Thửa đất số 2546, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: xã Vị Tân, Thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC102075, sổ vào sổ cấp GCN CT01833 do UBND tỉnh Hậu Giang cấp ngày 29/12/2010;

41. Thửa đất số 2548, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: xã Vị Tân, Thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC102073, sổ vào sổ cấp GCN CT01831 do UBND tỉnh Hậu Giang cấp ngày 29/12/2010;

42. Thửa đất số 2549, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: xã Vị Tân, Thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC102172, sổ vào sổ cấp GCN CT01830 do UBND tỉnh Hậu Giang cấp ngày 29/12/2010;

43. Thửa đất số 2550, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: xã Vị Tân, Thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC102171, sổ vào sổ cấp GCN CT01829 do UBND tỉnh Hậu Giang cấp ngày 29/12/2010;

44. Thửa đất số 2551, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: xã Vị Tân, Thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC102171, sổ vào sổ cấp GCN CT01972 do UBND tỉnh Hậu Giang cấp ngày 29/12/2010;

45. Thửa đất số 2583, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: xã Vị Tân, Thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC102635, sổ vào sổ cấp GCN CT02014 do UBND tỉnh Hậu Giang cấp ngày 29/12/2010;

46. Thửa đất số 2582, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: xã Vị Tân, Thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC102628, sổ vào sổ cấp GCN CT01743 do UBND tỉnh Hậu Giang cấp ngày 29/12/2010;

47. Thửa đất số 2581, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: xã Vị Tân, Thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC129131, sổ vào sổ cấp GCN CT01743 do UBND tỉnh Hậu Giang cấp ngày 29/12/2010;

48. Thửa đất số 2580, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: xã Vị Tân, Thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC129130, sổ vào sổ cấp GCN CT01742 do UBND tỉnh Hậu Giang cấp ngày 29/12/2010;

49. Thửa đất số 2579, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: xã Vị Tân, Thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC129115, sổ vào sổ cấp GCN CT01741 do UBND tỉnh Hậu Giang cấp ngày 29/12/2010;

50. Thửa đất số 2578, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: xã Vị Tân, Thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC129113, sổ vào sổ cấp GCN CT01739 do UBND tỉnh Hậu Giang cấp ngày 29/12/2010;

51. Thửa đất số 2577, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: xã Vị Tân, Thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC129114, sổ vào sổ cấp GCN CT01740 do UBND tỉnh Hậu Giang cấp ngày 29/12/2010;

52. Thửa đất số 2576, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: xã Vị Tân, Thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC129112, sổ vào sổ cấp GCN CT01738 do UBND tỉnh Hậu Giang cấp ngày 29/12/2010;

53. Thửa đất số 2575, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: xã Vị Tân, Thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC129111, sổ vào sổ cấp GCN CT01737 do UBND tỉnh Hậu Giang cấp ngày 29/12/2010;

54. Thửa đất số 2574, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: xã Vị Tân, Thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC129110, sổ vào sổ cấp GCN CT01736 do UBND tỉnh Hậu Giang cấp ngày 29/12/2010;

55. Thửa đất số 2573, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: xã Vị Tân, Thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC129109, sổ vào sổ cấp GCN CT01735 do UBND tỉnh Hậu Giang cấp ngày 29/12/2010;

56. Thửa đất số 2572, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: xã Vị Tân, Thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC129108, sổ vào sổ cấp GCN CT01734 do UBND tỉnh Hậu Giang cấp ngày 29/12/2010;

57. Thửa đất số 2571, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: xã Vị Tân, Thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC129107, sổ vào sổ cấp GCN CT01733 do UBND tỉnh Hậu Giang cấp ngày 29/12/2010;

58. Thửa đất số 2570, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: xã Vị Tân, Thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC129106, sổ vào sổ cấp GCN CT01732 do UBND tỉnh Hậu Giang cấp ngày 29/12/2010;

59. Thửa đất số 2569, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: xã Vị Tân, Thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC129105, sổ vào sổ cấp GCN CT01731 do UBND tỉnh Hậu Giang cấp ngày 29/12/2010;

60. Thửa đất số 2568, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: xã Vị Tân, Thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC102629, sổ vào sổ cấp GCN CT02007 do UBND tỉnh Hậu Giang cấp ngày 29/12/2010;

61. Thửa đất số 2567, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: xã Vị Tân, Thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC102184, sổ vào sổ cấp GCN CT01953 do UBND tỉnh Hậu Giang cấp ngày 29/12/2010;

62. Thửa đất số 2566, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: xã Vị Tân, Thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC102121, sổ vào sổ cấp GCN CT01897 do UBND tỉnh Hậu Giang cấp ngày 29/12/2010;

63. Thửa đất số 2565, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: xã Vị Tân, Thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC102120, sổ vào sổ cấp GCN CT01896 do UBND tỉnh Hậu Giang cấp ngày 29/12/2010;

64. Thửa đất số 2364, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: xã Vị Tân, Thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC129781, sổ vào sổ cấp GCN CT01206 do UBND tỉnh Hậu Giang cấp ngày 29/12/2010;

65. Thửa đất số 2356, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: xã Vị Tân, Thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC129788, sổ vào sổ cấp GCN CT01213 do UBND tỉnh Hậu Giang cấp ngày 29/12/2010;

66. Thửa đất số 2355, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: xã Vị Tân, Thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC129789, sổ vào sổ cấp GCN CT01214 do UBND tỉnh Hậu Giang cấp ngày 29/12/2010;

67. Thửa đất số 2354, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: xã Vị Tân, Thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC129790, sổ vào sổ cấp GCN CT01215 do UBND tỉnh Hậu Giang cấp ngày 29/12/2010;

68. Thửa đất số 2353, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: xã Vị Tân, Thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC129791, sổ vào sổ cấp GCN CT01216 do UBND tỉnh Hậu Giang cấp ngày 29/12/2010;

69. Thửa đất số 2352, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: xã Vị Tân, Thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC129792, sổ vào sổ cấp GCN CT01217 do UBND tỉnh Hậu Giang cấp ngày 29/12/2010;

70. Thửa đất số 2349, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: xã Vị Tân, Thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC129788, sổ vào sổ cấp GCN CT01213 do UBND tỉnh Hậu Giang cấp ngày 29/12/2010;

71. Thửa đất số 2348, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: xã Vị Tân, Thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC129796, sổ vào sổ cấp GCN CT01221 do UBND tỉnh Hậu Giang cấp ngày 29/12/2010.

Trường hợp sau khi phát mại mà giá trị tài sản phát mại lớn hơn số nợ Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thương mại B còn phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP C Việt Nam thì Công ty cổ phần L được quyền hưởng giá trị chênh lệch lớn hơn này. Trường hợp sau khi phát mại mà giá trị tài sản phát mại nhỏ hơn số nợ Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thương mại B còn phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam thì Công ty Cổ phần L có trách nhiệm thanh toán nốt số nợ còn lại.

2. Về chi phí tố tụng:

Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thương mại B phải hoàn trả cho Ngân hàng TMCP C Việt Nam chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 71.000.000 đồng theo Phiếu thu số 7582/TB - TA ngày 21/11/2023.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 28/6/2024 bị đơn Công ty B có đơn kháng cáo với nội dung kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại việc quyết định trả lãi cho nguyên đơn theo hướng dẫn tại Thông tư 01/2020/TT-NHNN ngày 13/3/2020 của Ngân hàng Nhà nước do Công ty B bị ảnh hưởng của dịch Covid -19, đồng thời lấy ý kiến của Công ty Cổ phần L về việc phát mại tài sản bảo đảm.

** Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và các ý kiến đã trình bày.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty Cổ phần L trình bày: Công ty cổ phần L đề nghị thương lượng với nguyên đơn để trả nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử tại phiên tòa, cũng như việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm và hủy bản án sơ thẩm do Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã có quyết định mở thủ tục phá sản đối với Công ty B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn Công ty B còn trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận.

[2] Về kháng cáo của bị đơn:

Xét, căn cứ Quyết định mở thủ tục phá sản số 01/2024/QĐ-MTTPS ngày 24/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, có cơ sở xác định: Ngày 22/02/2023 Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức đã thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản của Công ty TNHH Xây dựng và Kỹ thuật T Việt Nam đối với Công ty B (hồ sơ thụ lý số 01/2023/TLST-PS); Ngày 24/6/2024 Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức đã ra Quyết định số 01/2024/QĐ-MTTPS mở thủ tục phá sản đối với Công ty B.

Xét, theo quy định tại khoản 2 Điều 41 và khoản 2 Điều 71 Luật Phá sản năm 2014 thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức thụ lý hồ sơ phá sản số 01/2023/TLST-PS thì Tòa án cấp sơ thẩm phải tạm đình chỉ việc giải quyết vụ án dân sự về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” giữa nguyên đơn Ngân hàng TMCP C Việt Nam với Công ty B và sau khi Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức ra Quyết định số 01/2024/QĐ-MTTPS thì Tòa án cấp sơ thẩm phải ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án để nhập hồ sơ vụ án vào hồ sơ phá sản thụ lý số 01/2023/TLST-PS.

Xét, tại Tòa án cấp phúc thẩm Công ty B mới trình bày, thừa nhận và cung cấp Quyết định mở thủ tục phá sản số 01/2024/QĐ-MTTPS ngày 24/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức. Nên đây là tình tiết mới để hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm theo hướng ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án để nhập hồ sơ vụ án vào hồ sơ phá sản thụ lý số 01/2023/TLST-PS.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty B, cần hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[3] Xét, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định nêu trên nên được chấp nhận.

[4] Về án phí:

Căn cứ khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để xét xử sơ thẩm lại nên đương sự kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; nghĩa vụ chịu án phí được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 71 Luật phá sản 2014;
- Căn cứ khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 2528/2024/KT-ST ngày 18 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại theo trình tự sơ thẩm.

3. Hoàn trả cho Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thương mại B số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 2.000.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0027788 ngày 09/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND TP.Thủ Đức;
- VKSND TP.Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP.Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Hương